

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9

(Từ ngày 20/09/2021-25/09/2021)

Tuần 3 - Tiết 11 -12

VĂN BẢN:

TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

I. Đọc, hiểu chú thích

(SGK trang 34-35)

1. Tác phẩm:

- Văn bản trích trong "Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em" họp tại trụ sở Liên hợp quốc tại Niu-oóc ngày 30/9/1990.

2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- Văn bản: nhật dụng
- PTBD: nghị luận (chính trị - xã hội)

3. Bố cục: 4 phần

II. Đọc, hiểu văn bản:

1. Nhận thức của cộng đồng về trẻ em và quyền trẻ em: (mục 1,2)

- Bản tuyên bố mở đầu bằng lời kêu gọi khẩn thiết: "Hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em 1 tương lai tốt đẹp hơn".

-> Lí do đề ra bản tuyên bố.

- Cách nhìn nhận trẻ em thông qua đặc điểm tâm sinh lí: Trẻ em trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.

-> *Cách nêu vấn đề gọn, rõ có tính chất khẳng định, giới thiệu mục đích, nhiệm vụ của Hội nghị cấp cao thế giới*

=> Khẳng định về Quyền trẻ em: được sống trong thanh bình, được chơi, được học, được phát triển.

=> Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em là một vấn đề mang tính chất nhân bản.

2. Những thách thức phản ánh thực trạng của trẻ em trên thế giới (mục 3->7)

- Trẻ em có cuộc sống khổ cực không được hưởng những quyền lợi của mình.
- Nạn nhân của chiến tranh, bạo lực, phân biệt chủng tộc, đói nghèo, dịch bệnh, chết vì suy dinh dưỡng.

-> Lí lẽ xác thực, lập luận chặt chẽ, đầy đủ, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, mang tính liệt kê dồn dập.

=> Trẻ em trên toàn thế giới phải chịu những thảm họa, bất hạnh về nhiều mặt. Đó là thách thức lớn với các chính phủ, các tổ chức quốc tế và mỗi cá nhân.

3. Những thuận lợi để cộng đồng quốc tế thực hiện lời tuyên bố vì trẻ em: (mục 8,9)

- Sự liên kết giữa các quốc gia.
- Công ước về Quyền trẻ em.
- Bầu không khí chính trị quốc tế được cải thiện.
- Sự hợp tác đoàn kết quốc tế trên nhiều lĩnh vực.

=> Đây là những thuận lợi lớn nhằm cải thiện tình hình, bảo đảm quyền trẻ em.

4. Những đề xuất nhằm đảm bảo cho trẻ em được chăm sóc, bảo vệ, phát triển:(mục 10 -> 17)

- Tăng cường sức khỏe, chế độ dinh dưỡng.
 - Quan tâm trẻ em tàn tật, hoàn cảnh khó khăn.
 - Tăng cường vai trò phụ nữ, bình đẳng giới.
 - Xoá nạn mù chữ ở trẻ em.
 - Quan tâm đến bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ.
 - Tạo cơ hội tìm biết nguồn gốc lai lịch của mình.
 - Khuyến khích trẻ tham gia một số hđộng văn hoá, xã hội.
 - Khôi phục sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- > Nhiệm vụ toàn diện, cụ thể, sát thực tế để mang lại cuộc sống tốt đẹp nhất cho trẻ em.

III. Ghi nhớ : (SGK-35)

1. Nội dung - Ý nghĩa

- Nội dung: Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là 1 trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu.
- Ý nghĩa của văn bản: Văn bản nêu nên nhận thức đúng đắn và hành động phải làm vì quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.

2. Nghệ thuật:

- Trình bày rõ ràng hợp lí.
- Mối liên kết lô-gíc giữa các phần làm cho văn bản có kết cấu chặt chẽ.
- Sử dụng phương pháp pháp nêu số liệu, phân tích khoa học.

IV. Luyện tập:

1/ Qua văn bản, em nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng Quốc tế về vấn đề này?

2/ Phát biểu ý kiến về sự quan tâm chăm sóc của chính quyền địa phương, của các tổ chức xã hội nơi em ở trong tình hình hiện nay đối với trẻ em.

Tiết 13: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (TT)

I. Tìm hiểu bài:

1. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp:

VD 1: Truyện cười: "Chào hỏi" (SGK/36)

-> Chàng rể không tuân thủ phương châm lịch sự vì lời chào không đúng lúc, đúng chỗ, không phù hợp với tình huống giao tiếp (áp dụng máy móc)

=> **Cần vận dụng các phương châm hội thoại phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? nói để làm gì?)**

2. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại:

VD 2 (SGK/37)

- **Nhân vật Ba:** Vi phạm phương châm về lượng để đảm bảo phương châm về chất.
- **Bác sĩ:** vi phạm phương châm về chất để người bệnh không rơi vào trạng thái bi quan, tuyệt vọng.
- Câu “**Tiền bạc chỉ là tiền bạc**” Người nói muốn người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý khác.

=> Tất cả các tình huống đều không tuân thủ phương châm hội thoại. Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ một số nguyên nhân khác nhau như sau:

- + Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.
- + Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc 1 yêu cầu khác quan trọng hơn.
- + Người nói muốn gây một sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo 1 hàm ý nào đó.

II. Ghi nhớ: (SGK 36- 37)

III. Luyện tập : (SGK/38)

.....

Tiết 14

XUNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

I. Tìm hiểu bài:

1. Từ ngữ xưng hô:

Ví dụ: Ông, bà, bác, cô, chú, anh, chị, tôi, ta...(số ít).

Họ, chúng tôi, chúng ta...(số nhiều)

=> **Tiếng Việt có hệ thống xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.**

2. Việc sử dụng từ ngữ xưng hô:

Ví dụ: Đoạn trích “Đế mèn phiêu lưu kí”

- | | | |
|-----------|--|-----------------------------|
| | <u>Dế choắt</u> | <u>Dế mèn</u> |
| - Đoạn a. | <i>Anh- Em</i> | <i>Tôi – Chú mày</i> |
| | -> Cách xưng hô không bình đẳng của Dế choắt yếu thế đang nhờ vả Dế mèn. | |
| - Đoạn b. | <i>Tôi – Anh</i> | <i>Tôi -Anh</i> |
| | -> Cách xưng hô bình đẳng thể hiện sự ân hận của dế mèn khi gây tai họa cho dế choắt | |

⇒ **Khi giao tiếp người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.**

II. Ghi nhớ: (SGK / 39)

III. Luyện tập: (SGK / 39, 40, 41)

.....

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Yến Ngọc: 0349367617

Cô Trang: 0987585849

Cô Thanh: 07084399004

Cô Mai: 0935713253

Cô Thu Thủy: 0903192050

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 9 – TUẦN 3

(Từ 20/09/2021 đến 25/09/2021)

I/ Mở Đầu:

1. **Nhận lớp:** Giáo viên nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học.
2. **Khởi động:**
Đánh tay cao thấp, xoay cổ, xoay cổ tay cổ chân, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, tay ngực, lưng bụng, vặn mình, xoay hông, xoay gối, ép dọc, ép ngang (học sinh xem video).
3. **Kiểm tra bài cũ:**
Giáo viên gọi 4 học sinh thực hiện kỹ thuật động tác từ nhịp 1 – 15.

II/ Cơ Bản:

1. Bài Thể dục:

- * **Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 15:** Học sinh ôn giáo viên quan sát sửa sai cho học sinh.
- * **Học mới: Từ nhịp 16 đến nhịp 30:** Giáo viên phân tích và thị phạm kỹ thuật động tác, cho học sinh xem tranh ảnh, video.

Bài thể dục liên hoàn nữ:

- Nhịp 16: Như nhịp 12, nhưng đổi bên.
- Nhịp 17: Về như nhịp 15.
- Nhịp 18: Chuyển trọng tâm vào chân phải đứng thẳng, kéo chân sau về cách gót chân trước một bàn chân, mũi chân chạm đất, 2 tay chống hông, mặt hướng trước.
- Nhịp 19: Nâng đùi chân trái ra trước lên cao ngang hông, căng chân vuông góc với đùi và mặt đất, mũi bàn chân thẳng.
- Nhịp 20 – 21: Đưa 2 tay ra trước – sang ngang, bàn tay ngửa, chân trái duỗi thẳng và nâng cao đến mức tối đa, mũi bàn chân thẳng, thân hơi ngã ra sau để giữ thăng bằng, mặt ngửa.
- Nhịp 22: Hạ chân trái chạm đất về tư thế như nhịp 15, nhưng đổi chân.

- Nhịp 23: Từ từ gập thân cúi sâu, đồng thời kéo bàn chân trái về phía chân phải để chuyển trọng tâm vào chân phải. Chân phải khụy gối, chân trái vể mũi chân duỗi thẳng, 2 tay đưa xuống dưới – ra sau, chéch cao lòng bàn tay hướng vào nhau, mắt nhìn theo bàn chân trái.
- Nhịp 24: Nâng thân thẳng, dồn trọng tâm vào chân trái, chân phải phía sau hơi co gối, mũi chân chạm đất, 2 tay giờ chéch cao, lòng bàn tay hướng vào nhau, ngửa đầu.
- Nhịp 25: Hạ gót chân phải làm trụ, xoay người 90 độ về bên trái và bước chân trái sang trái rộng bằng vai, 2 tay dang ngang, bàn tay ngửa, mặt hướng trước.
- Nhịp 26: Đưa 2 tay lên cao song song lòng bàn tay hướng vào nhau đồng thời nghiêng lườn sang trái, trọng tâm dồn vào chân phải, chân trái thẳng mũi chân chạm đất.
- Nhịp 27: Về như nhịp 25.
- Nhịp 28: Như nhịp 26, nhưng nghiêng lườn sang phải, trọng tâm dồn vào chân trái.
- Nhịp 29: Về như nhịp 27.
- Nhịp 30 – 31: Chuyển trọng tâm sang chân trái, nâng chân phải sang ngang – lên cao, chân và mũi chân thẳng. Thân hơi nghiêng sang trái, 2 tay dang ngang, bàn tay sấp và giữ thẳng bằng, mắt nhìn trước.

Bài thể dục liên hoàn nam:

- Nhịp 16: Đứng lên đồng thời thu chân phải về cách chân trái rộng hơn vai, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, mặt hướng trước.
- Nhịp 17: Gập thân về trước, vặn mình sang trái, tay phải chạm chân trái, tay trái giờ chéch cao ở phía sau, hai chân thẳng, cuối đầu nhìn theo bàn tay phải.
- Nhịp 18: Nâng thân lên một chút, sau đó thực hiện như nhịp 17, nhưng vặn mình sang phải, đổi vị trí hai tay.
- Nhịp 19: Như nhịp 16.
- Nhịp 20: Dồn trọng tâm vào chân phải, bước chân trái sang ngang rộng hơn vai (rộng hơn khoảng cách giữa hai chân ở nhịp 16) khi chạm đất khụy.
- Nhịp 21: Thu chân trái sát chân phải thành đứng thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa.
- Nhịp 22: Như nhịp 20, nhưng đổi bên.
- Nhịp 23: Thu chân phải về thành đứng thẳng hai chân rộng hơn vai, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa.

- Nhịp 24: Giữ nguyên tư thế tay dang ngang, vặn mình sang trái (không hom bụng, không xoay hai bàn chân).
- Nhịp 25: Như nhịp 24, nhưng đổi bên.
- Nhịp 26: Như nhịp 19.
- Nhịp 27: Thu chân trái sát chân phải, đồng thời đưa hai tay ra trước song song, cao ngang vai, bàn tay sấp, mặt hướng trước.
- Nhịp 28: Ngồi kiễng gót, hai tay chống đất như nhịp 12.
- Nhịp 29: Dồn trọng tâm lên hai tay, sau đó bật duỗi thẳng hai chân ra sau (chân chụm), mũi chân chạm đất, mặt hướng chéo phía trước.
- Nhịp 30: Co hai tay, (khủy tay sát thân) ngực gần sát đất, thân người thẳng.

2. Củng cố: Từ nhịp 1 – nhịp 30 bài thể dục:

Giáo viên gọi 2 em thực hiện tốt, 2 em thực hiện sai kỹ thuật lên thực hiện cho cả lớp xem và nêu ra những sai lầm thường mắc phải. Sau đó cho cả lớp nhận xét và giáo viên chỉ dẫn sửa sai để các em tự tập ở nhà.

III/ Kết Thúc:

- Thả lỏng: Đứng tại chỗ làm các động tác gập thân thả lỏng, rũ tay rũ chân, lắc đùi.
- Giáo viên nhận xét, biểu dương những học sinh tập luyện tích cực, nhắc nhở những học sinh chưa tốt.
- Đánh giá kết quả giờ học.
- Giao bài tập về nhà, xuống lớp.

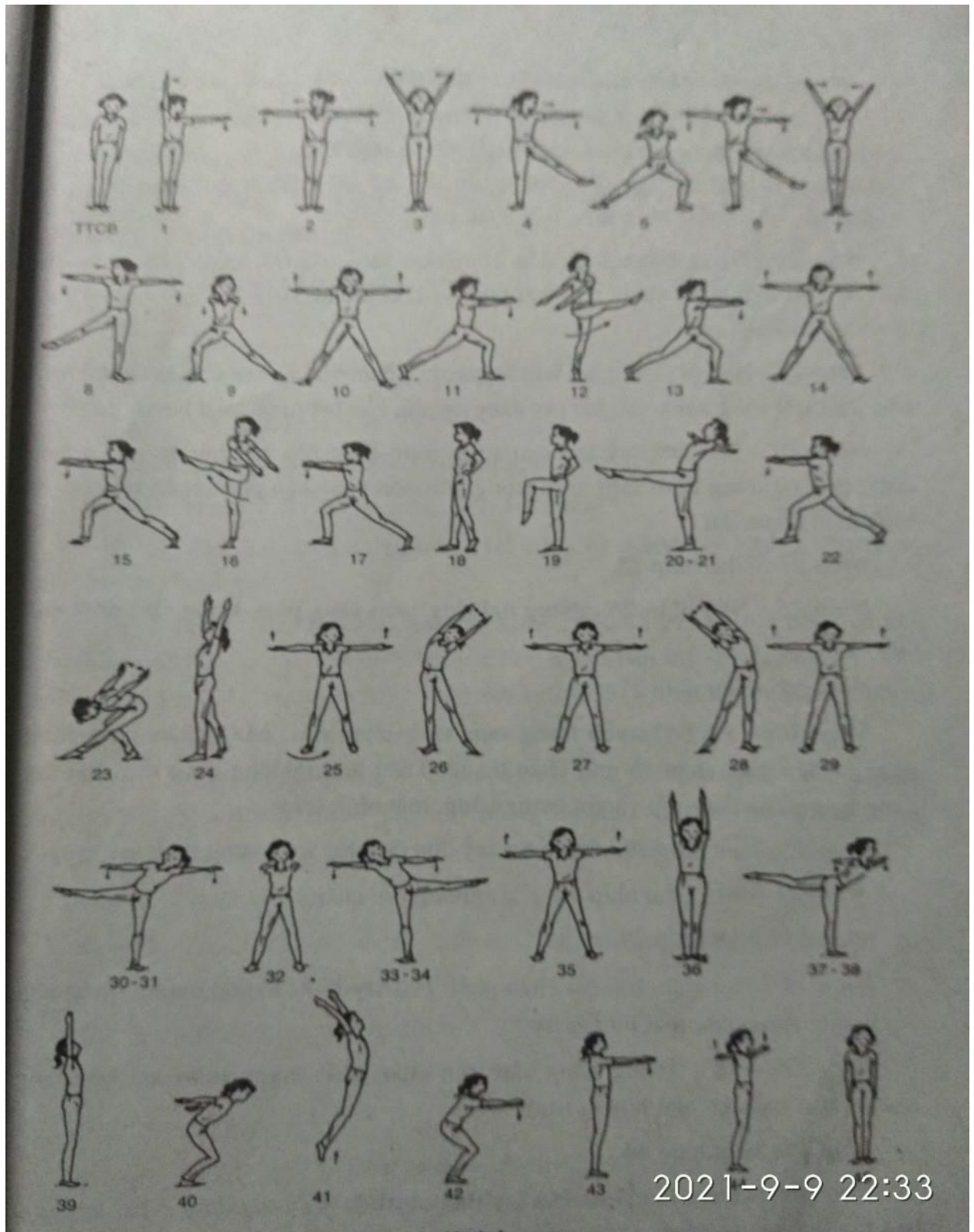
***BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE MÙA DỊCH:**

Chạy bền: Chạy tại chỗ hoặc nhảy dây từ 3 đến 8 phút.

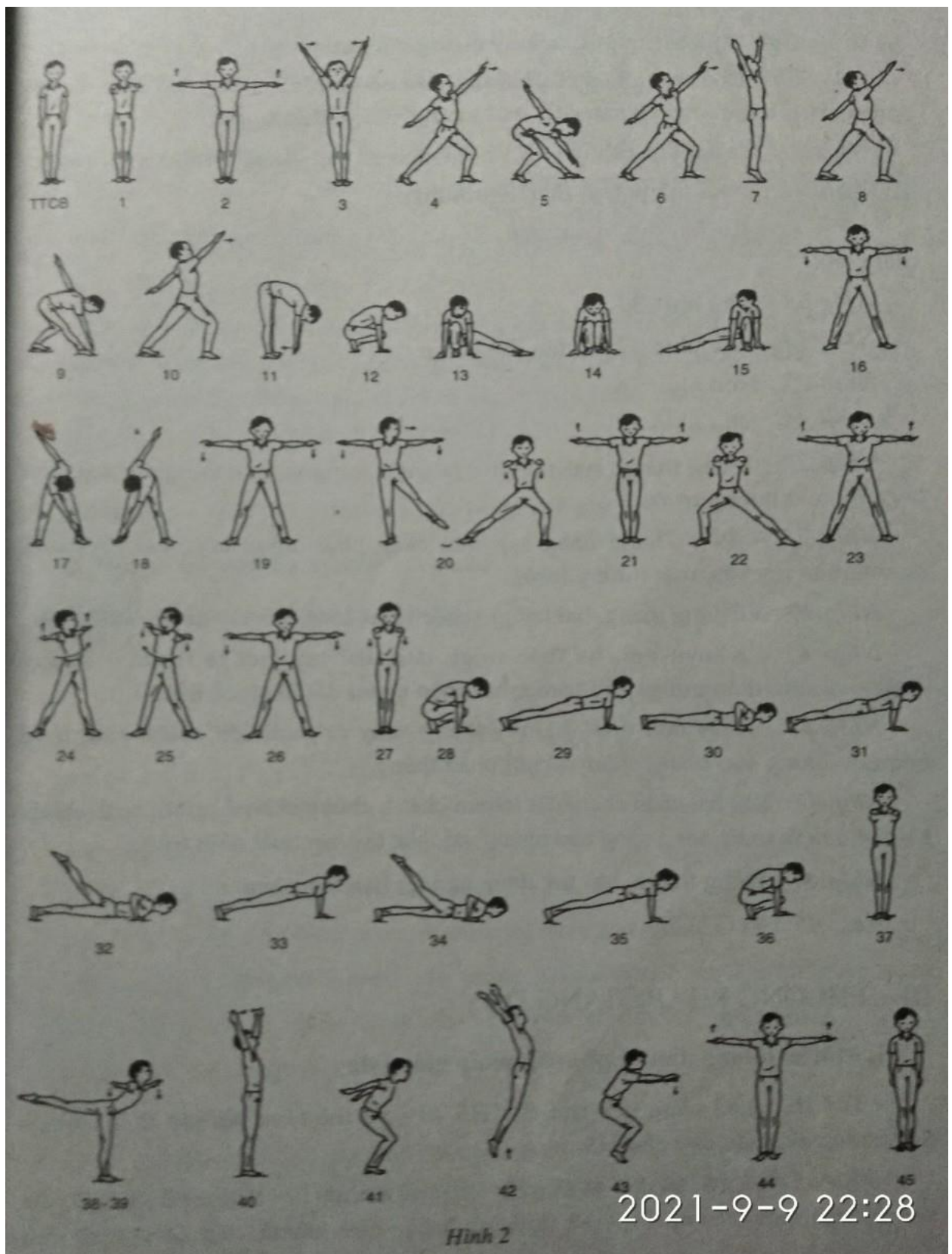
❖ Lưu ý: Các em tập luyện thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác 1 cách chính xác.

HẾT

HÌNH BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN NỮ



HÌNH BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN NAM



Bài 2(tt). Tiết 3. **SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN DỤNG CỤ, THIẾT BỊ NHÀ BẾP**
(Từ 20/9>25/9)

3/ Đồ thủy tinh, đồ tráng men

- Bát, cốc, chén, đĩa

Nên cẩn thận khi sử dụng vì dễ vỡ, dễ tróc lớp men.

4/ Đồ nhôm, gang

-Thau, nồi, xoong...

- Nên cẩn thận khi sử dụng vì dễ rạn nứt, móp méo.

- Không để ẩm ướt

- Không đánh bóng bằng giấy nhám

- Không chứa thức ăn có nhiều mỡ, muối, axit...

5/ Đồ sắt không gỉ (Inox)

-Nồi, chảo, thìa , cối chày, thau , rổ...

- Không đun lửa to vì dễ bị ó

- Tránh va chạm với đồ dùng cùng chất liệu...

- Không lau chùi bằng giấy nhám

- Không chứa thức ăn có nhiều mỡ, muối, axit

6/ Đồ dùng điện :

-Nồi cơm điện,lò nướng, lò vi sóng, bếp hồng ngoại, máy sinh tố...

-Trước khi sử dụng kiểm tra ổ cắm, dây dẫn điện

-Khi sử dụng : đúng quy cách

-Sau khi sử dụng: chùi sạch lau khô.

.....

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 9

(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

BÀI 5: THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ NĂM 1989 VÀ 1999

A. LÝ THUYẾT

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Câu 1: Quan sát tháp dân số năm 1989 và năm 1999

Bổ sung kiến thức vào bảng sau:

	Tháp năm 1989	Tháp năm 1999
Hình dạng tháp: - Đáy tháp (rộng, hẹp) - Thân tháp: (rộng, hẹp) - Đỉnh tháp:		
Cơ cấu dân số theo độ tuổi (%) -Từ 0 - 14 tuổi: -Từ 15 - 60 tuổi: -Trên 60 tuổi:		
Tỉ lệ phụ thuộc (0-14 tuổi và trên 60 tuổi) :		

Câu 2:

- Nhận xét sự thay đổi của cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta.

- Giải thích nguyên nhân.

Câu 3:

Giảm tải theo công văn 4040 của BGD

D. DẶN DÒ

BÀI 6: SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

A. LÝ THUYẾT

Dựa vào nội dung SGK hoàn thành phiếu học tập sau:

Nền kinh tế trong thời kỳ đổi mới	Những thách thức
-Sự tăng trưởng :.....	-Kinh tế:
-Chuyển dịch cơ cấu:	
+Cơ cấu ngành:.....	
.....	-Xã hội:.....
.....	
.....	
+Cơ cấu lãnh thổ:.....	
.....	
.....	
.....	
+Cơ cấu thành phần kinh tế:.....	
.....	
- Sản xuất hàng hoá:.....	
.....	
.....	
- Quan hệ quốc tế:.....	
.....	

***BÀI HỌC**

I. Nền kinh tế nước ta trước thời kỳ đổi mới

Giảm tải theo công văn 4040 của BGD

II. Nền kinh tế nước ta trong giai đoạn đổi mới

1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Nét đặc trưng của đổi mới nền kinh tế là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Biểu hiện:
 - + Chuyển dịch cơ cấu ngành: Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp. Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.
 - + Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp, các vùng tập trung công nghiệp, dịch vụ, các vùng kinh tế trọng điểm.
 - + Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: Phát triển kinh tế nhiều thành phần.

2. Những thành tựu và thách thức:

- Thành tựu: Tăng trưởng kinh tế nhanh, đang tiến hành công nghiệp hóa.
- Thách thức:
 - + Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, thiếu việc làm, chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn.
 - + Biến động của thị trường thế giới. Các thách thức khi tham gia AFTA, WTO...

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Làm bài tập số 2 trong SGK.
- Xem trước nội dung bài 7 và trả lời các câu hỏi có chữ in nghiêng trong bài.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-SĐT: 0933773181

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 9

(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

Chủ Đề : ACID

TIẾT 5 : TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA ACID

A. LÝ THUYẾT:

I. KHÁI QUÁT VỀ ACID

Acid là những hợp chất tạo ra ion H^+ .

II. TÍNH CHẤT HÓA HỌC

1. Acid làm đổi màu giấy quỳ tím

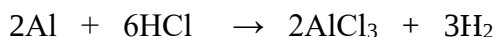
Thí nghiệm: Nhỏ 1 giọt dung dịch acid (HCl hoặc H_2SO_4 loãng,...) lên mẫu giấy quỳ tím.

Hiện tượng: Giấy quỳ tím chuyển từ màu tím sang màu đỏ.

2. Acid tác dụng với kim loại

Thí nghiệm: Al tác dụng với dung dịch hydrochloric acid HCl.

Hiện tượng: Al bị hòa tan, đồng thời có bọt khí không màu bay lên.



Viết phương trình tương tự: $Mg + H_2SO_4 \rightarrow MgSO_4 + H_2$

Lưu ý:

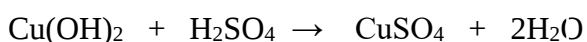
- Acid HNO_3 và H_2SO_4 đặc tác dụng được với nhiều kim loại nhưng không giải phóng khí hydrogen.
- Dung dịch acid HCl và H_2SO_4 loãng tác dụng được với nhiều kim loại tạo thành muối và giải phóng khí hydrogen.

3. Acid tác dụng với base

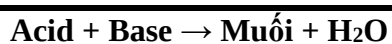
Thí nghiệm: $Cu(OH)_2$ tác dụng với dung dịch Sulfuric acid H_2SO_4 .

Hiện tượng: Kết tủa $Cu(OH)_2$ bị hòa tan tạo thành dung dịch màu xanh lam.

Phương trình:



Kết Luận:



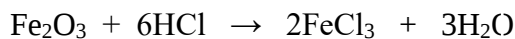
Viết phương trình phản ứng tương tự : $NaOH + HCl \rightarrow NaCl + H_2O$

4. Acid tác dụng với basic oxide

Thí nghiệm: Iron (III) oxide Fe_2O_3 phản ứng với dung dịch hydrochloric acid HCl .

Hiện tượng: Fe_2O_3 bị hòa tan, tạo ra dung dịch có màu vàng nâu.

Phương trình:



Kết luận:



(Viết phương trình phản ứng tương tự) $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{ZnO} \rightarrow \text{ZnSO}_4 + \text{H}_2\text{O}$

III. ACID MẠNH VÀ ACID YẾU

Dựa vào tính chất hóa học, acid được phân làm 2 loại:

- Acid mạnh: HCl , HNO_3 , H_2SO_4 ...
- Acid yếu: H_2S , H_2CO_3 ...

B. BÀI TẬP

Viết các phương trình phản ứng sau:



Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài **SĐT: 0384016912**

2 Thầy Hậu **SĐT: 0933351932**

3 Cô Xem **SĐT: 0767108446**

4.Cô Huệ **SĐT: 0785656236**

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 9

(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

TIẾT 6 : ACID H_2SO_4 , HCl

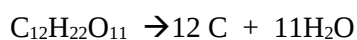
A. LÝ THUYẾT

Dung dịch acid HCl, dd H_2SO_4 loãng có tính chất hóa học giống như tính chất hóa học các acid thông thường

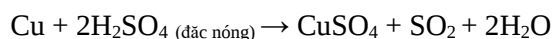
Chú ý :

-- Với H_2SO_4 đặc nóng có tính háo nước, tác dụng được hầu hết các kim loại

a/ Tính háo nước :



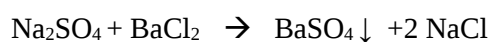
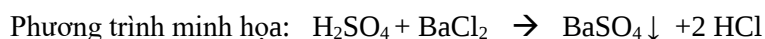
b/ Tác dụng với kim loại Cu:



Ngoài kim loại Cu, H_2SO_4 đặc còn tác dụng được với nhiều kim loại khác tạo thành muối SO_4 , không giải phóng khí hydrogen

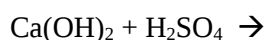
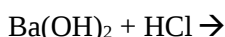
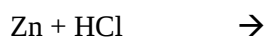
- **Nhận biết dung dịch H_2SO_4 và muối có gốc SO_4** dùng thuốc thử như dd: $BaCl_2$, $Ba(OH)_2$, $Ba(NO_3)_2$

hiện tượng: tạo kết tủa trắng ($BaSO_4$)



B. BÀI TẬP

Bài 1 :



Bài 2: Bằng phương pháp hóa học hãy phân biệt các lọ mất nhãn đựng các dd sau:

a) 3 dung dịch: Na_2SO_4 , $NaCl$, HCl

b) 3 dung dịch: $NaNO_3$, HCl , H_2SO_4

Hướng dẫn:

Bước 1 dùng quỳ tím để phân loại nhóm chức ACID, BASE, MUỐI

Bước 2 dùng dung dịch BaCl_2 để nhận ra hợp chất có chứa gốc SO_4 .

Bài 3: Hòa tan 4g Magnesium Oxide(MgO) vào tác dụng vừa dung dịch Hydrochloric Acid HCl 2M

a) Viết PTHH

b) Tính nồng độ mol của các chất có trong dung dịch sau phản ứng

Hướng dẫn :

Bài này được làm quen ở các tiết trước, lưu ý thể tích trước và sau phản ứng bằng nhau

Dặn dò

- Viết bài vào tập và làm bài tập.

- Làm thêm bài 6 trang 6 sách giáo khoa

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3 Cô Xem SĐT: 0767108446

4.Cô Huệ SĐT: 0785656236

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ VẬT LÝ

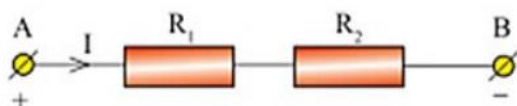
MÔN: VẬT LÝ – KHỐI 9

(Từ ngày 20/9 đến ngày 25/9)

Tiết 5 – BÀI TẬP VẬN DỤNG ĐỊNH LUẬT OHM

A. LÝ THUYẾT

❖ ÔN TẬP KIẾN THỨC: ĐOẠN MẠCH GỒM CÁC ĐIỆN TRỞ MẮC NỐI TIẾP



Đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 , R_2 mắc nối tiếp

Công thức:

$$R_{td} = R_1 + R_2$$

$$I_m = I_1 = I_2$$

$$U_m = U_1 + U_2$$

Trong đó: R_{td} : Điện trở tương đương (Ω)

I_m : CĐDD qua mạch (A)

U_m : HĐT giữa hai đầu mạch (V)

I_1 , I_2 : CĐDD qua R_1 , R_2 (A)

U_1 , U_2 : HĐT giữa hai đầu điện trở R_1 , R_2 (V)

❖ CÁC BƯỚC GIẢI BÀI TOÁN

Đề bài cho:

$$R_1 = \dots \Omega \quad R_2 = \dots \Omega \quad U_m = \dots V$$

$$a/ R_{td} = ? \Omega \quad b/ I_m = ? A \quad c/ U_1, U_2 = ? V$$

a/ Điện trở tương đương của đoạn mạch:

$$R_{td} = R_1 + R_2 = \dots (\Omega)$$

b/ Tính CĐDD qua mạch:

$$I_m = \frac{U_m}{R_{td}} = \dots (A)$$

Vì R_1 nt R_2 nên $I_m = I_1 = I_2 = \dots (A)$

c/ HĐT đặt vào hai đầu mỗi điện trở:

$$U_1 = I_1 \cdot R_1 = \dots (V)$$

$$U_2 = I_2 \cdot R_2 = \dots (V)$$

B. BÀI TẬP

Câu 1)

Cho điện trở $R_1 = 6\Omega$ mắc nối tiếp điện trở $R_2 = 24\Omega$ vào nguồn điện có hiệu điện thế là 24 V

- a/ Tính điện trở tương đương của đoạn mạch?
- b/ Tính CĐDD qua mạch?
- c/ Tính hiệu điện thế đặt vào hai đầu mỗi điện trở?

Câu 2)

Cho điện trở $R_1 = 40\Omega$ mắc nối tiếp điện trở $R_2 = 20\Omega$ vào nguồn điện có hiệu điện thế là 12 V.

- a/ Tính điện trở tương đương của đoạn mạch?
- b/ Tính CĐDD qua mạch?
- c/ Tính hiệu điện thế đặt vào hai đầu mỗi điện trở?

Câu 3)

Cho điện trở $R_1 = 10\Omega$ mắc nối tiếp điện trở R_2 . Biết hiệu điện thế đặt vào 2 đầu đoạn mạch là 9 V; Hiệu điện thế đặt vào 2 đầu điện trở R_2 là 6V. Tính giá trị điện trở R_2 ?

Câu 4)

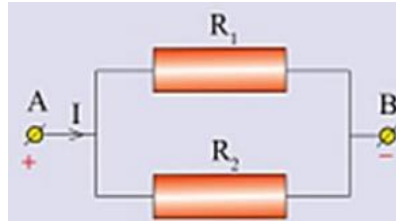
Cho điện trở $R_1 = 40\Omega$ nối tiếp điện trở $R_2 = 60$ vào nguồn điện có hiệu điện thế là 24 V.

- a/ Tính điện trở tương đương của mạch?
- b/ Tính cường độ dòng điện qua mạch?
- c/ Tính hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở ?
- d/ Mắc thêm R_3 song song với điện trở R_1 thì cường độ dòng điện qua mạch lúc này là 0,3A. Tính điện trở R_3 ?

Tiết 6 – BÀI TẬP VẬN DỤNG ĐỊNH LUẬT OHM

A. LÝ THUYẾT

❖ ÔN TẬP KIẾN THỨC: ĐOẠN MẠCH GỒM CÁC ĐIỆN TRỞ MẮC SONG SONG



Đoạn mạch gồm hai điện trở R_1, R_2 mắc song song

Công thức:

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} \quad \text{hay} \quad R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2}$$

$$U_m = U_1 = U_2$$

$$I_m = I_1 + I_2$$

Trong đó:

R_{td} : Điện trở tương đương (Ω)

I_m : CĐDD qua mạch (A)

U_m : HĐT giữa hai đầu mạch (V)

I_1, I_2 : CĐDD qua R_1, R_2 (A)

U_1, U_2 : HĐT giữa hai đầu R_1, R_2 (V)

❖ CÁC BƯỚC GIẢI BÀI TOÁN

Đề bài cho

$R_1 = \dots \Omega$	$R_2 = \dots \Omega$	$U_m = \dots = \dots V$
a) $R_{td} = ? \Omega$	b) $I_m = ? A$	c) $I_1, I_2 = \dots A$

a) Điện trở tương đương toàn mạch:

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} \rightarrow R_{td} = \dots \Omega$$

Hoặc
$$R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2}$$

b) CĐDD qua mạch:

$$I_m = \frac{U_m}{R_{td}} = \dots (A)$$

Vì $R_1 // R_2$ nên $U_m = U_1 = U_2 = \dots (V)$

c) CĐDD qua mỗi điện trở:

$$I_1 = \frac{U_1}{R_1} = \dots (A)$$

$$I_2 = \frac{U_2}{R_2} = \dots (A)$$

B. BÀI TẬP

Câu 1)

Cho điện trở $R_1 = 6\Omega$ mắc song song điện trở $R_2 = 12\Omega$ vào nguồn điện có hiệu điện thế là 20 V

a/ Tính điện trở tương đương của đoạn mạch?

b/ Tính CĐDD qua mạch và qua mỗi điện trở?

c/ Tính CĐDD qua mỗi điện trở?

Câu 2)

Cho điện trở $R_1 = 10\Omega$ mắc song song điện trở $R_2 = 15\Omega$ vào nguồn điện có hiệu điện thế là 9 V

a/ Tính điện trở tương đương của đoạn mạch?

b/ Tính CĐDD qua mạch và qua mỗi điện trở?

c/ Tính CĐDD qua mỗi điện trở?

Câu 3)

Cho điện trở $R_1 = 14\Omega$ mắc song song điện trở R_2 . Biết cường độ dòng điện qua mạch là 3 A; Cường độ dòng điện qua R_2 là 1 A. Tính giá trị điện trở R_2 ?

Câu 4)

Cho điện trở $R_1 = 6\Omega$ song song điện trở $R_2 = 12\Omega$. Đặt một hiệu điện thế có giá trị không đổi qua mạch là 12V.

a/ Tính điện trở tương đương của mạch?

b/ Tính cường độ dòng điện qua mạch?

c/ Tính cường độ dòng điện qua mỗi điện trở ?

d/ Mắc thêm R_3 nối tiếp với cả 2 điện trở trên thì Hiệu điện thế qua 2 đầu điện trở R_3 lúc này là 9V. Tính điện trở R_3 ?

***YÊU CẦU**

- Chép nội dung lý thuyết vào tập.
- Làm phần bài tập vào tập.

Mọi thắc mắc Quý PH vui lòng liên lạc:

- Cô Tâm – 0975375268
- Cô Ngọc – 0967828984
- Thầy Châu – 0974498493
- Thầy Hiền - 0937013009

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 9
(Từ ngày 20/9/2021 đến 25/9/2021)

A. LÝ THUYẾT:

TUẦN 3

Nội dung 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU
(Từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX)

I. SỰ KHỦNG HOẢNG VÀ TAN RÃ CỦA LIÊN BANG XÔ VIẾT

1. Sự khủng hoảng:

- Năm 1973, khủng hoảng dầu mỏ
- Kinh tế xã hội trì trệ, không ổn định

2. Liên Xô tan rã:

Tháng 3/1985, Gorbaciov tiến hành cải tổ nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng

a. Nguyên nhân:

- Do thiếu chuẩn bị, thiếu đường lối chiến lược đúng đắn
- Đất nước khủng hoảng toàn diện

b. Hệ quả:

- 19/8/1991 đảo chính Gorbaciov thất bại, Đảng Cộng sản và Nhà nước liên bang tê liệt.
- 21/12/1991: thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).
- 25/12/1991, XHCN ở Liên Xô chấm dứt

II. CUỘC KHỦNG HOẢNG VÀ TAN RÃ CỦA CHẾ ĐỘ XHCN Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

Hệ thống XHCN chấm dứt: 28/6/1991 (SEV) ngừng hoạt động; 1/7/1991 Vácsava giải thể.

B. PHIẾU BÀI TẬP VẬN DỤNG:

1. Tình hình kinh tế, chính trị - xã hội Liên Xô dưới tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy nêu nội dung cải tổ của Goochbachop?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Theo em công cuộc cải tổ của Goochbachop đem lại hậu quả gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Nêu sự kiện chứng tỏ hệ thống XHCN tan rã trên thế giới?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. DẶN DÒ:

- Học thuộc nội dung 2.
- Làm phần bài tập.
- Đọc trước nội dung 3.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Cô Tuyền: 0981979190

SINH HỌC 9 – TUẦN 3
(từ 20/09/2021 đến 25/09/2021)

TIẾT 5 - 6

LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG

I. Thí nghiệm của Men đen:

$P_{(u/c)}$: Hạt vàng, vỏ trơn x Hạt xanh, vỏ nhăn

F_1 : 100% Hạt vàng, vỏ trơn

F_2 : 315 vàng, trơn : 101 vàng, nhăn : 108 xanh, trơn : 32 xanh, nhăn

= 9/16 vàng, trơn : 3/16 vàng, nhăn : 3/16 xanh, trơn : 1/16 xanh, nhăn

* Nếu xét riêng từng cặp tính trạng ở F_2 ông nhận thấy:

+ **Vàng : xanh** = $(315+101) : (108+32) = 416 : 140 = (3:1)$

+ **Trơn : nhăn** = $(315+108) : (101+32) = 423 : 133 = (3:1)$

* Nếu xét chung 2 cặp tính trạng, mỗi kiểu hình ở F_2 :

9/16 vàng, trơn = $\frac{3}{4}$ vàng x $\frac{3}{4}$ trơn

3/16 vàng, nhăn = $\frac{3}{4}$ vàng x $\frac{1}{4}$ nhăn

3/16 xanh, trơn = $\frac{1}{4}$ xanh x $\frac{3}{4}$ trơn

1/16 xanh, nhăn = $\frac{1}{4}$ xanh x $\frac{1}{4}$ nhăn

* Như vậy:

- Bằng thí nghiệm lai hai cặp tính trạng theo phương pháp phân tích thế hệ lai, Mendel đã phát hiện:
- Khi lai hai bố mẹ khác nhau về hai cặp tính trạng thuần chủng tương phản di truyền độc lập với nhau cho

II. Biến dị tổ hợp:

- **Biến dị tổ hợp** là sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất hiện

.....

(VD: Vàng, nhăn và xanh, trơn là biến dị tổ hợp)

- Nguyên nhân:

III. Mendel giải thích kết quả thí nghiệm:

MÔN TIN HỌC - KHỐI 9

(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

LÝ THUYẾT

BÀI 2: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU INTERNET

(Tiết 2)

3. Một vài ứng dụng khác trên Internet.

a) Hội thảo trực tuyến

- Internet cho phép tổ chức các cuộc họp, hội thảo từ xa với sự tham gia của nhiều người ở nhiều nơi khác nhau.

Ví dụ: Phần mềm Skype, Zoom, Ứng dụng Google Meet, ...

b) Đào tạo qua mạng

- Người học có thể truy cập Internet để nghe các bài giảng, trao đổi hoặc nhận các chỉ dẫn, bài tập từ giáo viên, tài liệu học tập,... nộp kết quả qua mạng mà không cần phải đến lớp.

Ví dụ: Zoom, Google Meet, K12Online, ...

c) Thương mại điện tử

- Các doanh nghiệp, cá nhân có thể đưa nội dung văn bản, hình ảnh giới thiệu, đoạn video quảng cáo về sản phẩm lên trang web.
- Người dùng có thể truy cập Internet, vào các “chợ”, “gian hàng” điện tử để lựa chọn sản phẩm và chuyển về tận nhà.

Ví dụ: Tiki, Lazada, Shopee...

4. Làm thế nào để kết nối Internet?

- Đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt: VNPT, Viettel, FPT, ...
- Sử dụng Modem, đường kết nối riêng (ADSL, WIFI, ...) các máy tính có thể kết nối mạng. Internet là mạng của các mạng máy tính.

- Đường trục Internet là các đường kết nối giữa hệ thống mạng những nhà cung cấp dịch vụ trên thế giới.

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- | | | |
|--------------|---|------------------|
| 1. Cô Thủy | → | Zalo: 0908962965 |
| 2. Cô Hà | → | Zalo: 0908281062 |
| 3. Thầy Phái | → | Zalo: 0938779246 |
| 4. Cô Trinh | → | Zalo: 0983860352 |

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ TOÁN

ĐẠI SỐ KHỐI 9

(Từ ngày 20/9/2021 đến ngày 25/09/2021)

LUYỆN TẬP

Bài 1: Tìm điều kiện của x để các căn thức sau có nghĩa:

a) $\sqrt{4x - 14}$

d) $\sqrt{\frac{5-x}{2}}$

b) $\sqrt{\frac{1}{3}x + 2}$

e) $\sqrt{\frac{-1}{6x-12}}$

c) $\sqrt{-5x - 15}$

Hướng dẫn:

a) $\sqrt{4x - 14}$

$$\sqrt{4x - 14} \text{ có nghĩa} \Leftrightarrow 4x - 14 \geq 0$$

$$\Leftrightarrow 4x \geq 14$$

$$\Leftrightarrow x \geq 2$$

Vậy với $x \geq 2$ thì $\sqrt{4x - 14}$ có nghĩa

d) $\sqrt{\frac{5-x}{2}}$ có nghĩa $\Leftrightarrow \frac{5-x}{2} \geq 0$

$$\Leftrightarrow 5 - x \geq 0$$

$$\Leftrightarrow -x \geq -5$$

$$\Leftrightarrow x \leq 5$$

Vậy với $x \leq 5$ thì

Bài 2: Tính:

a) $7\sqrt{5} + \sqrt{20} - 2\sqrt{45}$

d) $3\sqrt{24} + 2\sqrt{96} - \sqrt{54} - 4\sqrt{150}$

b) $3\sqrt{12} - 2\sqrt{27} + \sqrt{48}$

c) $\frac{1}{2}\sqrt{20} - 3\sqrt{80} + \frac{5}{3}\sqrt{45} - 2\sqrt{125}$

e) $(7\sqrt{48} + 3\sqrt{27} - 2\sqrt{12}) : \sqrt{3}$

$$f) \sqrt{(3 + \sqrt{5})^2} + \sqrt{(7 - \sqrt{5})^2}$$

$$g) \sqrt{(4 - \sqrt{3})^2} + \sqrt{(1 - \sqrt{3})^2}$$

$$h) \sqrt{(6 - 2\sqrt{10})^2} - \sqrt{(6 - \sqrt{10})^2}$$

$$i) \sqrt{(4 - \sqrt{15})^2} - \sqrt{(-2 - \sqrt{15})^2}$$

$$j) \sqrt{(\sqrt{5} - 3)^2} + \sqrt{14 + 6\sqrt{5}}$$

$$k) \sqrt{21 + 4\sqrt{17}} + \sqrt{21 - 4\sqrt{17}}$$

$$l) (1 + \sqrt{2})^2 - \sqrt{11 - 6\sqrt{2}}$$

$$m) \sqrt{3 - \sqrt{5}} \cdot \sqrt{3 + \sqrt{5}}$$

Hướng dẫn:

$$a) 7\sqrt{5} + \sqrt{20} - 2\sqrt{45} = 7\sqrt{5} + 2\sqrt{5} - 6\sqrt{5} = 3\sqrt{5}$$

$$b) \sqrt{(3 + \sqrt{5})^2} + \sqrt{(7 - \sqrt{5})^2} = |3 + \sqrt{5}| + |7 - \sqrt{5}|$$

$$= 3 + \sqrt{5} + 7 - \sqrt{5} = 10$$

Bài 3: Tìm x, biết:

$$a) \sqrt{x + 3} = 2$$

$$b) \sqrt{3x - 5} = 2$$

$$c) 10 - \sqrt{2x - 3} = 7$$

$$d) \sqrt{x + 7} - 3 = 9$$

$$e) \sqrt{4x^2} = 6$$

$$f) \sqrt{x^2 - 2x + 1} = 6$$

$$g) \sqrt{x} + \sqrt{4x} + \sqrt{9x} = 12$$

$$h) \sqrt{x^2 - 2x + 5} = x$$

$$i) \sqrt{4x^2} = x - 1$$

$$j) \sqrt{x + 2} \geq 3$$

$$k) \sqrt{x + 4} \leq 3$$

$$l) \sqrt{3 - 2x} \leq 5$$

$$m) \sqrt{2x - 3} = \sqrt{x + 1}$$

$$n) \sqrt{x^2 + 3x - 3} = \sqrt{3x + 1}$$

Hướng dẫn:

$$a) \sqrt{x + 3} = 2$$

$$\Leftrightarrow x + 3 = 2^2$$

$$\Leftrightarrow x + 3 = 4$$

$$\Leftrightarrow x = 1$$

$$g) \sqrt{x} + \sqrt{4x} + \sqrt{9x} = 12$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{x} + 2\sqrt{x} + 3\sqrt{x} = 12$$

$$\Leftrightarrow 6\sqrt{x} = 12$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{x} = 2 \Leftrightarrow x = 4$$

CHỦ ĐỀ 2: TỈ SỐ LƯỢNG GIÁC CỦA GÓC NHỌN

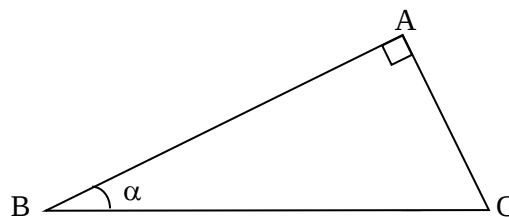
TRONG TAM GIÁC VUÔNG.

Xét góc nhọn α ($\widehat{B}$) trong tam giác vuông ABC

Cạnh AB **kề** với góc α

Cạnh AC **đối** diện góc α

Cạnh **huyền** BC.



1/ Tỉ số lượng giác của góc nhọn trong tam giác vuông.

* Có bốn tỉ số lượng giác của góc nhọn trong tam giác vuông:

$$\sin \alpha = \frac{\text{đối}}{\text{huyền}}$$

$$\cos \alpha = \frac{\text{kề}}{\text{huyền}}$$

$$\tan \alpha = \frac{\text{đối}}{\text{kề}}$$

$$\cot \alpha = \frac{\text{kề}}{\text{đối}}$$

Hoặc:

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A

$$\text{Ta có: } \sin B = \frac{AC}{BC} \quad \cos B = \frac{AB}{BC} \quad \tan B = \frac{AC}{AB} \quad \cot B = \frac{AB}{AC}$$

* **Chú ý:**

- Tỉ số lượng giác của góc nhọn luôn dương.
- Muốn có tỉ số lượng giác của góc nhọn α phải tạo ra tam giác vuông chứa góc nhọn α
- Nếu biết một góc nhọn và một cạnh của tam giác vuông sẽ tính được góc nhọn và cạnh còn lại theo tỉ số lượng giác.

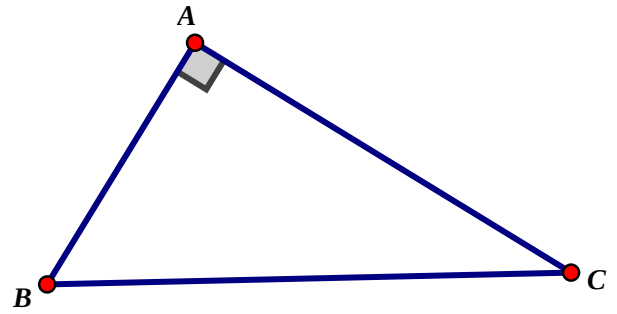
Ví dụ: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A, biết $AB = 3\text{cm}$, $AC = 4\text{cm}$. Hãy tính các tỉ số lượng giác của các góc nhọn B và C.

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A

Ta có: $BC^2 = AB^2 + AC^2$ (định lý Pitago)

$$BC^2 = 3^2 + 4^2 = 25$$

$$\Rightarrow BC = \sqrt{25} = 5 \text{ cm}$$



$$\text{Ta có: } \sin B = \frac{AC}{BC} = \frac{4}{5}$$

$$\cot B = \frac{AB}{AC} = \frac{3}{4}$$

$$\text{Ta có: } \sin C = \frac{AB}{BC} = \frac{3}{5}$$

$$\cos C = \frac{AC}{BC} = \frac{4}{5}$$

$$\cos B = \frac{AB}{BC} = \frac{3}{5}$$

$$\tan C = \frac{AB}{AC} = \frac{3}{4}$$

$$\tan B = \frac{AC}{AB} = \frac{4}{3}$$

$$\cot C = \frac{AC}{AB} = \frac{4}{3}$$

2/ Tỷ số lượng giác của hai góc phụ nhau.

Nếu hai góc phụ nhau thì sin góc này bằng cos góc kia và tan góc này bằng cot góc kia.

Ta có: $\hat{A} + \hat{B} = 90^\circ$ (.....)

Nên: $\sin A = \cos B$

$\cos A = \sin B$

$\tan A = \cot B$

$\cot A = \tan B$

Ví dụ: $\sin 24^\circ = \cos 66^\circ$

$$\tan 7^\circ = \cot 83^\circ$$

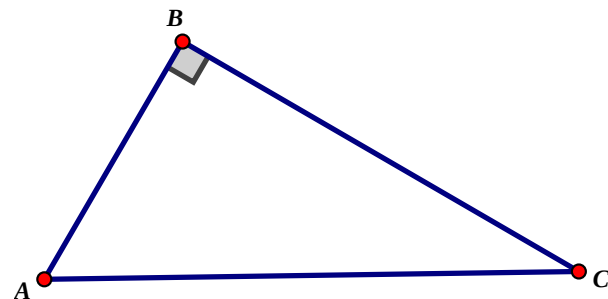
* **Chú ý**

$$1^\circ = 60'$$

$$90^\circ = 89^\circ 60'$$

3/ Áp dụng:

Bài 1: Cho $\triangle ABC$ vuông tại B, biết $AB = 6\text{cm}$, $AC = 10\text{cm}$. Hãy tính các tỷ số lượng giác của $\hat{A}$ và suy ra các tỷ số lượng giác của $\hat{C}$.



Xét $\triangle ABC$ vuông tại B

Ta có: $AC^2 = AB^2 + BC^2$ (định lý Pitago)

$$10^2 = 6^2 + BC^2$$

$$BC^2 = 10^2 - 6^2 = 64$$

$$\Rightarrow BC = \sqrt{64} = 8 \text{ cm}$$

$$\text{Ta có: } \sin A = \frac{BC}{AC} = \frac{8}{10} = \frac{4}{5}$$

$$\cos A = \frac{AB}{AC} = \frac{6}{10} = \frac{3}{5}$$

$$\tan A = \frac{BC}{AB} = \frac{8}{6} = \frac{4}{3}$$

$$\cot A = \frac{AB}{BC} = \frac{6}{8} = \frac{3}{4}$$

Vì $\hat{A} + \hat{C} = 90^\circ$ ($\triangle ABC$ vuông tại B)

$$\text{Nên: } \sin C = \cos A = \frac{3}{5}$$

$$\cos C = \sin A = \frac{4}{5}$$

$$\tan C = \cot A = \frac{3}{4}$$

$$\cot C = \tan A = \frac{4}{3}$$

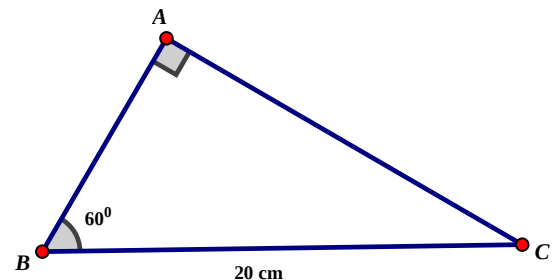
Bài 2: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A, biết $BC = 20\text{cm}$, $\hat{B} = 60^\circ$. Hãy tính AB, AC.

Xét $\triangle ABC$ vuông tại A

$$\text{Ta có: } \cos B = \frac{AB}{BC} \text{ (tslg)}$$

$$\text{Hay: } \cos 60^\circ = \frac{AB}{20} \Rightarrow AB = 20 \cdot \cos 60^\circ$$

$$\Rightarrow AB = 10 \text{ cm}$$



Ta có: $\sin B = \frac{AC}{BC}$ (tslg)

$$\text{Hay : } \sin 60^\circ = \frac{AC}{20} \Rightarrow AC = 20 \cdot \sin 60^\circ$$

$$\Rightarrow AC = 10\sqrt{3} \text{ cm}$$

*** BÀI TẬP**

Bài 1: Cho $\triangle DEF$ vuông tại D, biết $DE = 5\text{cm}$, $EF = 13\text{cm}$. Hãy tính các tỉ số lượng giác của $\hat{E}$ và suy ra các tỉ số lượng giác của $\hat{F}$.

Bài 2: Cho tam giác ABC vuông tại A. Biết $\hat{B} = 30^\circ$, $AB = 10\text{cm}$. Hãy tính cạnh BC, AC?

Bài 3: Cho tam giác ABC vuông tại A. Biết $\tan B = \frac{3}{4}$, $AB = 8\text{cm}$. Hãy tính AC và BC?

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Huỳnh Thị Ngọc Dư SĐT: 0364434972

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 9 (từ 20/9 đến 25/9)

WEEK 3

UNIT 1 : A VISIT FROM A PEN PAL

PERIOD 5: WRITE

A/NEW WORDS

- relative (n) : họ hàng, bà con
- arrive (v) : đến
- dissappointed (adj) : thất vọng
- mention (v) : đề cập

B/SAMPLE LETTER

Imagine you are visiting your relatives or friends in another part of Viet Nam or in a different country. Write a letter to your family. Follow the outline.

Dear Mom and Dad,

I arrived in Nha Trang in the afternoon at about 4 o'clock. Aunt Hoa met me at the airport.

During 2 days there I have done many interesting things. On the first day, I went to enjoy mud bath with aunt's family and enjoyed sea food at a restaurant. On the second day, I went on a canoe to Cu Lao Cham island and spent an exciting day swimming and playing water games. The beach is so beautiful with clean blue water and white sand. Tomorrow, we are going to Tri Nguyen Aquarium to see underwater life there. I will see colorful fishes, turtles, crabs, and so on. I've also met a lot of friendly and helpful people. The food there is really fresh and delicious. I've bought some souvenirs for you and my friends.

I feel really fascinated and hope to come back soon. I am especially interested in sea food and beautiful sights there.

I will come home on Monday morning, the flight is going land at about 11 o'clock. Could you please pick me up at Noi Bai airport?

By the way, aunt's family asked me to give you their regards.

Stop for now. See you on Monday.

Your daughter,

Lan

PERIOD 7: LANGUAGE FOCUS

A/NEW WORDS

- hang – hung – hung (v) : treo
- colorful lamps (n) : đèn màu

- hometown (n) : quê nhà
- farewell party (n) : tiệc chia tay
- prepare (v) : chuẩn bị
→ preparation(n) : sự chuẩn bị

B/GRAMMAR

Review the past simple tense (ôn tập thì quá khứ đơn)

Thì quá khứ đơn diễn tả hành động đã xảy ra và đã chấm dứt trong quá khứ, xác định rõ thời gian.

(+) S + V2/ed

(-) S+ didn't + V

(?) Did + S + V.....?

(to be→was/were)

Note: yesterday, last, ago ,in 2000.....

Ex: Nam went to the mosque 2 days ago.

Nga didn't go to school yesterday.

Did you buy a new car last week?

EXERCISES

I/MULTIPLE CHOICE

- 1.Their friendliness make a deep.....on tourists. (correspondence, beauty, recreation, impression)
2. He.....English for 4 years. (learnt, has learnt, will learn, learns)
3. The language in Malaysia is Bahasa Malaysia .(nationality, national, nation, nationally)
4. My grandmother.....the most beautiful girl in the village. (did use to being, use to be, used to being, used to be)
5. My pen pal and I..... for over two years. (is corresponding, has corresponded, corresponds, have corresponded)
6. He has learned Englishlast summer.(for, on, since, at)
7. I wish you.....us someday.(will visit, visited, would visit, visit)
8. I'll pick you.....at your hotel next Monday.(in, on, over, up)
9. He's used to.....swimming in the summer.(go, going, to go, went)
10. Maryam wantedLan to visit Kuala Lumpur.(invite, inviting, to invite, invited)

11. Please to meet you. Let me.....myself.(introduce, invite, to introduce, introducing)
12. Last Friday, my sister..... Ho Chi Minh's Mausoleum.(visits, visited, is visited, visiting)
13. My friend used to..... soccer after school.(play, playing, played, plays)
14. It's difficult me to meet her now. (to, for, of, from)
15. Churches, temples and pagodas are places of _____. (gossip, warship, worship, friendship)

II/FILL IN THE BLANK WITH THE CORRECT PREPOSITION

1. It is compulsory all motorcyclists to wear helmets.
2. We have correspondedeach other for years.
3. His future depends his study.
4. The teacher divided the classsmall groups.
5. They moved away five years ago, but we still keep..... touch.
6. The dollar is the unit currency of the United States.
7. His breakfast consistdry bread and a cup of tea.
8. This job is a lot different what I'm used to.
9. Most students are interested sports.
10. He lives completely independenthis parents.

III/WORD FORM

1. Like Vietnam, Malaysia has..... climate .(tropic)
2. Mathematics is a subject at school. (compel)
3. Many come to Ho Chi Minh' Mausoleum every day. (visit)
4. Hanoi is not..... from Kuala Lumpur. (difference)
5. Music and painting are.....subjects . (option)
6. A good letter needs perfect..... . (introduce)
7. In.....,there are other religions.(add)
8. Islam is one of the country's official(religious)
9. English is.....spoken in Malaysia.(widen)
10. She felt alone and..... (friend)

IV/REWRITE

1. My friend won't stay with me longer.→ I wish.....
2. They lived in England some years ago.→ They used.....
3. She doesn't have time to go around the city.→ She wishes.....
4. Mr. Nam usually goes to bed early in the evening.→ Mr. Nam is used.....
5. We don't have a computer therefore we cannot get access to the Internet.→I wish
6. What a pity! We cannot try the special food of the village.→We wish.....
7. He is no longer a famous actor→He used.....
8. I hardly does my homework correctly.→I wish.....
9. Lan often ate ice-cream when she was a child. →Lan used.....
10. When Tuan lived in the countryside, he raised cattles.→Tuan used.....

